

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Visit Us
sasobeco.com.vn

Contact Us

02388-662-662



01 Hamlet, Hung Dao Commune, Hung Nguyen District, Nghe An Province



**BIA
SAIGON®**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM



Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An



<http://sasobeco.com.vn>



02388.662.662 Fax: 02388.662.664



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02388.662.662 Số fax: 02388.662.664
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu : BSL

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077.
- Từ 2007 – tháng 6/2009 Công ty tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam khu vực Rú Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Ngày 13/07/2009: Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam được chính thức triển khai xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế, chế tạo và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và dự phòng mở rộng lên 200 triệu lít/năm.
- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.
- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển Công ty luôn luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý
 - + Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Quyết định số lượng và bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.
 - + Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
 - + Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và

Ban Giám Đốc.

+ Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

+ Công ty có 13 phòng, phân xưởng, bộ phận.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

a. Quản lý sản xuất:

- Không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng tại từng công đoạn trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng.

- Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001:2018 và Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn.

b. Quản lý chi phí:

- Rà soát điều chỉnh lại các quy trình thực hiện theo hướng tiết giảm chi phí, kiểm soát ngân sách từng bộ phận nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính.

c. Phát triển nguồn nhân lực:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, duy trì thường xuyên công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm tạo dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi tay nghề, năng động và nhiệt huyết.

d. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chung tay cùng SABECO giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực, duy trì và nâng cao chất lượng, uy tín sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn.

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, phát triển bền vững; chú trọng đến sức khỏe và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến.

- Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh khi điều kiện thuận lợi và theo chỉ đạo trực tiếp của Sabeco

e. Chính sách chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và tiết kiệm năng lượng

- Trong các yêu cầu, chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và năng lượng là yếu tố hàng đầu mang tính quyết định. Để thực hiện được điều này, Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện chính sách:

- ✓ Tuân thủ đầy đủ, các yêu cầu, quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nghĩa vụ, trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với Nhà nước và xã hội.
- ✓ Cung cấp đủ nguồn lực để vận hành, duy trì hiệu lực và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý của Công ty đảm bảo ổn định, độ tin cậy và hiệu quả ngày càng cao; Nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, hiệu quả sử dụng năng lượng và kiểm soát môi trường, thoả mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và các bên quan tâm;
- ✓ Cung cấp nguồn lực phù hợp để ngăn chặn, giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, con người, tài sản, môi trường và năng lượng;
- ✓ Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, cập nhật kiến thức cho người lao động về kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm soát môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.
- ✓ Xây dựng và thực hiện văn hóa công ty, tạo lập môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, tất cả người lao động cùng các bên quan tâm đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

f. Hoạt động cộng đồng, xã hội:

- Duy trì hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần cùng SABECO mang đến thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”.
- Tham gia tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương theo sự phê duyệt và chỉ đạo của Ban truyền thông Sabeco.

5. Các rủi ro:

- Bia là sản phẩm được tiêu thụ phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân nên các biến động trong tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.
- Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do trong suốt thời gian qua cũng góp phần gia tăng sự cạnh tranh của ngành bia trong nước, đặc biệt là phân khúc bia cao cấp có mẫu mã đẹp, thương hiệu lớn cùng các chiến dịch quảng cáo, hậu mãi rầm rộ nhắm vào thị hiếu của người tiêu dùng.
- Trong những năm gần đây, bất chấp tác động kép từ dịch bệnh Covid-19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP các Công ty trong ngành Bia đều lần lượt cho ra mắt và quảng bá các sản phẩm mới.
- Do hoạt động dưới hình thức công ty đại chúng nên Công ty chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Thuế, Luật Kế toán,... Ngoài ra, do đặc thù kinh doanh sản xuất bia nên Công ty cũng phải tuân thủ các văn bản pháp luật và chính sách có liên quan như Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật phòng chống tác hại của rượu, bia. Bất cứ sự thay đổi về luật pháp có liên quan sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành một số quy định với các tiêu chuẩn khắt khe hơn đối với việc sử dụng bia rượu và đồ uống có cồn nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng và những rủi ro khi tham gia giao thông tại Việt Nam, cụ thể:
 - ✓ Nghị định 100/2019/NĐ-CP liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính khi sử dụng bia rượu tham gia giao thông vẫn còn gây ra nhiều khó khăn và rào cản đối với các doanh nghiệp ngành bia.
 - ✓ Một số văn bản pháp luật mới được ban hành gần đây như Nghị định 24/2020/NĐ-CP, Nghị định 117/2020/NĐ-CP đã quy định nghiêm ngặt về việc hạn chế việc quảng cáo rượu, bia trên các phương tiện truyền thông,...
- Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là như lúa mạch, hoa houblon... Những nguyên vật

liệu này phụ thuộc lớn vào nhóm ngành nông nghiệp và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi yếu tố thời tiết, mùa vụ, lúa mạch, houblon là nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ nước ngoài, sự sụt giảm sản lượng do mất mùa và khó khăn trong logistic đã tạo ra áp lực tăng giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, từ đó gia tăng chi phí giá vốn hàng bán và gây ảnh hưởng bất lợi đến lợi nhuận của Công ty trong năm qua.

- Xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine gây ra nhiều hệ lụy tới kinh tế toàn cầu: Đây là yếu tố được nhắc đến nhiều nhất tới kinh tế toàn cầu năm 2022, là nguyên nhân gây ra việc tăng giá năng lượng và một số hàng hóa thiết yếu cùng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2022, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1. Sản lượng sản xuất	Nghìn lít	98.000	89.443	91,27
2. Sản lượng tiêu thụ	Nghìn lít	98.000	89.317	91,14
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.882,94	1.801,33	95,67
4. Thuế TTĐB	Tỷ đồng	963,16	936,01	97,18
5. Giá vốn	Tỷ đồng	852,91	795,84	93,31
6. Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	1,39	1,20	92,31
7. Chi phí quản lý	Tỷ đồng	24,05	23,22	96,55
8. Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	43,11	50,28	116,63
9. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,13	0,67	59,29
- Lãi tiền gửi	Tỷ đồng	1,68	5,31	316,07
- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng		0,06	
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44,24	50,95	115,16
- Thuế TNDN	Tỷ đồng	8,85	10,44	118,02
11. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	35,39	40,51	114,44

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Thành viên Ban điều hành	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Trần Quang Trung	1964	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm: 01/09/2022	0%
2	Ông Nguyễn Hồng Anh	1968	Cử nhân quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm: 05/08/2010	0,111%
3	Ông Võ Hải Thanh	1969	Kỹ sư cơ khí - Cử nhân quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm: 15/07/2017 Miễn nhiệm: 31/08/2022	0,438%
4	Ông Hoàng Lâm Hòa	1968	Kỹ sư cơ khí - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm: 05/08/2010 Miễn nhiệm: 01/11/2022	0%
5	Ông Văn Bá Thi	1978	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm: 17/04/2017	0%

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Võ Hải Thanh thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ 31/08/2022 và điều chuyển về Tổng công ty từ 01/11/2022.
- Bổ nhiệm ông Trần Quang Trung giữ chức vụ Quyền Giám đốc Công ty từ ngày 01/9/2022.
- Ông Hoàng Lâm Hòa thôi giữ chức vụ Phó giám đốc từ ngày 01/11/2022.
- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - ✓ Số lao động có mặt cuối kỳ: 186 người; trong đó: nữ 58 người;
 - ✓ Lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 177 người
 - ✓ Lao động ký hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng đến 36 tháng: 02 người
 - ✓ Số lao động ký hợp đồng lao động dưới 12 tháng: 07 người
 - ✓ Lao động trong năm có biến động nhiều hơn so với các năm về trước, lao động nghỉ việc chiếm 10,1%. Nguồn lao động được cân đối điều chỉnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc. 100% người lao động được bố trí việc làm thường xuyên, ổn định, không có tình trạng người lao động nghỉ chờ việc và nghỉ việc do không có việc làm.
 - ✓ Nguồn lao động trẻ, với trình độ chuyên môn cao, trình độ đại học chiếm 46%, cao đẳng và trung cấp chiếm 24%, lao động có bằng nghề, công nhân kỹ thuật chiếm 30% tổng số lao động và thường xuyên được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cụ thể:
- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.
- Số lần đào tạo trong năm 2022: 9 lượt với 112 lượt người và chi phí đào tạo 203,2 triệu đồng.

c. Chính sách nhân sự:

- Thực hiện đúng nội dung của thoả ước lao động tập thể; chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm, sức khỏe người lao động;
- Chính sách trả lương, thưởng phúc lợi rõ ràng, minh bạch và nhất quán theo chủ trương SABECO;
- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho các bộ nhân viên;
- Ghi nhận và đánh giá cao các đóng góp, sáng kiến của người lao động;

d. Kế hoạch năm 2023:

- Thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo chỉ đạo từ Sabeco
- Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập cho Người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động
- Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Đầu tư bổ sung, hoàn thiện:

- Dự án Đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 0,996 MWp tại Nhà máy Bia Sài

Gòn – Sông Lam đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 6/2021; đang tiến hành thủ tục Quyết toán Dự án hoàn thành.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Hiện Dự án tạm dừng do giá nguyên vật liệu, nhân công tăng cao. Sẽ triển khai khi điều kiện thuận lợi hơn.
- Dự án Đầu tư 1 phần đường nội bộ và thoát nước khu vực Văn phòng công chính phía Nam là phần hạ tầng xung quanh Nhà văn phòng, nên sẽ được triển khai đồng bộ cùng Dự án xây dựng Nhà văn phòng.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021 (tỷ đồng)	Năm 2022 (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	621,10	618,46	99,57%
Doanh thu thuần	715,25	865,29	120,98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44,50	50,28	112,99%
Lợi nhuận khác	(0,20)	0,67	327,61%
Lợi nhuận trước thuế	44,30	50,95	115,01%
Lợi nhuận sau thuế	35,11	40,51	115,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	7%	100,00%

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	Lần	1,62	2,12
<i>Hệ số thanh toán nhanh (Tiền + đầu tư ngắn hạn+ Phải thu ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn)</i>	Lần	1,19	1,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản)</i>	%	19,91	21,16
<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tổng nợ phải trả/Vốn CSH)</i>	%	24,86	26,84
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<i>Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)</i>	Lần	10,69	12,79
<i>Vòng quay tổng tài sản (Tổng DTT/Tổng TS bình quân)</i>	Lần	1,10	1,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<i>ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)</i>	%	4,91	4,68
<i>ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)</i>	%	7,12	8,22
<i>ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)</i>	%	5,40	13,04
<i>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</i>	%	6,22	5,81

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 45.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 45.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không
- Cổ đông lớn: SABECO (Sở hữu 30.950.000 CP)

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/08/22)

STT	Loại Cổ Đông	Số Lượng Cổ Đông	Số Cổ Phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	250	44.867.887	99,71%
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	9	34.044.067	75,65%
3	Cổ đông tư nhân	241	10.823.820	24,05%
II	Cổ đông nước ngoài	10	132.113	0,29%
1	Cá nhân	10	132.113	0,29%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
Tổng cộng(I+II)		260	45.000.000	100,00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu đầu vào luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn chất lượng.
- Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguyên vật liệu, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, giảm hao phí mức thấp nhất.
- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
 - ✓ Malt: 9.911.830 kg
 - ✓ Gạo: 3.348.937 kg
 - ✓ Hoa cao houblon: 2365 kg
 - ✓ Lon rỗng: 223.244.374 cái tương đương 2.366 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)
 - ✓ Thùng giấy: 9.319.604 thùng tương đương 1.724 tấn (trung bình 185g/ thùng giấy).

7. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện tại nhà máy như: Quản lý giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ năng lượng từ đó đưa ra các biện pháp giảm hao phí, tiết kiệm năng lượng hiệu quả, lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, lắp đặt Biến tần cho các động cơ,

sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế cho đèn Halogen, lắp đặt áo nhiệt cho hệ thống hơi nóng nhằm tiết kiệm hơi nóng, đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái, tối ưu hoá cài đặt nhiệt độ các máy thanh trùng phù hợp với thời tiết, thu hồi và tái sử dụng dịch ở công đoạn Nấu... Thông qua việc giám sát sử dụng năng lượng, tiết giảm hao phí và áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, công ty đã thực hiện giảm được định mức sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu so với năm 2021.

- ✓ Điện: 8.228.560 kWh
- ✓ Hơi bão hòa: 25.713 tấn

8. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- Nguồn cấp nước thô cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sinh hoạt đưa vào sử dụng năm 2022 là 295.833 m³.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, cỏ: 100 m³ chiếm 0,034%.

9. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định;
- Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường trong năm 2022;
- Toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất kinh doanh đều được thu hồi đúng quy định về các kho chứa và được vận chuyển, xử lý bởi các đơn vị có đủ chức năng. Nước thải sản xuất và sinh hoạt được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chất lượng theo QCVN 40:2011, cột A, hệ số kq = 0,9 trước khi thải ra môi trường.

10. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - ✓ Số lượng lao động năm 2022 là 197 người trong đó lao động nữ 59 người.
 - ✓ Mức lương trung bình đối với người lao động là 9,4 triệu đồng/ tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng. Chi phí phúc lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2022 là 2.3 tỷ đồng.
- Người lao động làm việc tại các phân xưởng được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi kịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm.
- Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Sự ủng hộ nhiệt tình của Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành tại địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách cụ thể đảm bảo hoạt động sản xuất duy trì hiệu quả, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chi phí ổn định việc làm và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Sự chỉ đạo linh hoạt và toàn diện của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng nỗ lực của toàn thể người lao động đã góp phần giảm thiểu

tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.

- Trong suốt năm qua Công ty đã chủ động thực hiện nhiều phương thức khác nhau để hoạt động kinh doanh

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ TH2022 /TH2021	Tỷ lệ TH2022 /KH2022
1	Sản lượng tiêu thụ	1000 lít	75.322	98.000	89.317	118,58%	91,14%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.425,28	1.882,94	1.801,33	126,38%	95,67%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.380,92	1.838,70	1.750,12	126,73%	95,18%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	812,59	1.075,88	1.064,10	130,95%	98,91%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44,30	44,24	50,95	115,01%	115,17%

Trong năm qua, Công ty hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Chênh lệch	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Số tuyệt đối (tỷ đồng)	Tỷ lệ
I	Tài sản ngắn hạn	199,94	32%	276,19	45%	76	38%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	77,83	13%	12,09	2%	(66)	-84%
2	Khoản phải thu ngắn hạn	18,67	3%	21,82	4%	3	17%
3	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	50,00	8%	170,00	27%	120	240%
4	Tài sản ngắn hạn khác	0,30	0%	0,98	0%	1	226%
3	Hàng tồn kho	53,14	9%	71,30	12%	18	34%
II	Tài sản dài hạn	421,16	68%	342,27	55%	(79)	-19%
1	TSCĐ	411,85	66%	334,80	54%	(77)	-19%
2	Tài sản dài hạn khác	8,67	1%	6,83	1%	(2)	-21%
	Tổng tài sản	621,10	100%	618,46	100%	(3)	-0,43%

b. Tình hình nợ phải trả

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		Chênh lệch	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Số tuyệt đối (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	123,16	20%	130,37	21%	7,21	6%
1.1	Phải trả người bán	7,14	1%	13,06	2%	5,92	83%
1.2	Vay ngắn hạn	-	0%	-	0%		0%
2	Nợ dài hạn	0,49	0%	0,49	0%	-	0%

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm qua Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban giám đốc.

d. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phối hợp với Công ty thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.

- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

e. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty. Vì vậy Ban giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Công ty sử dụng nước mặt của sông Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Năm 2022, khối lượng khai thác là 364.698 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 999.1 m³/ ngày đêm.

- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2022 công ty đã thực hiện kiểm soát sử dụng năng lượng theo định mức đã đề ra. Năm 2022 công ty tiêu thụ 8.23 triệu kWh từ lưới điện.

- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2022 công ty đã thực hiện kiểm soát sử dụng năng lượng theo định mức đã đề ra. Năm 2022 công ty tiêu thụ 8.23 triệu kWh điện năng.

- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng nhiên liệu Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.

- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.

- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2022 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 624 m³/ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra luôn được giám sát liên tục qua hệ thống quan trắc tự động. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kê Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Ngoài việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Nhà nước đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công ty đối với người lao động. Người lao động được hưởng thêm các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.
- Hàng năm đều trích lập các quỹ chăm lo đời sống người lao động: tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ trong năm, chi trợ cấp khó khăn cho CBCNV, tặng quà đối tượng CBCNV nhân các ngày lễ kỷ niệm, chăm lo đời sống người lao động, tổ chức tham quan nghỉ mát.
- Chế độ khen thưởng được thực hiện đầy đủ.
- Người lao động được tham gia gói Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe với mức chi phí 3tr/ người/ năm, đảm bảo hỗ trợ kịp thời cho người lao động khi ốm đau, tai nạn..., đảm bảo ổn định, yên tâm công tác cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.
- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HDQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HDQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì, quản lý và điều hành Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do SABECO đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm		Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch HĐQT	14/04/2022		0%
2	Ông Lê Xuân Sơn	TV HĐQT	14/04/2022		0%
3	Ông Nguyễn Hồng Anh	TV HĐQT	14/04/2022		0,111%
4	Ông Văn Thanh Liêm	TV HĐQT	14/04/2022		0,406%
5	Ông Cao Thanh Bích	TV HĐQT	14/04/2022		0%
6	Ông Võ Hải Thanh	TV HĐQT	15/07/2017	14/04/2022	0,438%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 06 phiên họp, ban hành 12 Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	Số 01/2022/NQ-HĐQT	26/01/2022	Thông qua công tác Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Sông Lam.	100%
2.	Số 02/2022/NQ-HĐQT	10/03/2022	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý 4/2021; Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; Thông qua báo cáo công tác Đầu tư năm 2021; Chưa thông qua kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty; chưa thông qua kế hoạch dòng tiền năm 2022 của Công ty; Thông qua báo cáo về vướng mắc với cổ đông.	100%
3.	Số 03/2022/NQ-HĐQT	22/03/2022	Thông qua kế hoạch năm 2022; Thông qua kế hoạch dòng tiền năm 2022; Thông qua tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2022; Thông qua Trình phê duyệt các nội dung liên quan đến hoạt động Ngân Hàng/ Ngân quỹ.	100%
4.	Số 04/2022/NQ-HĐQT	14/04/2022	Hội đồng quản trị thống nhất bầu ông Neo Gim Siong Bennett giữ chức vụ	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam nhiệm kỳ 2022-2027.	
5.	Số 05/2022/NQ-HĐQT	30/05/2022	Thông qua Sổ tay phân quyền (MOA), chi tiết được trình bày ở phụ lục đính kèm.	100%
6.	Số 06/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021: <ul style="list-style-type: none"> - Ngày chốt danh sách cổ đông: 05/08/2022. - Ngày chi trả cổ tức: 29/08/2022 - Tỷ lệ chi: 7% mệnh giá cổ phần (trương đương 700 đồng/ cổ phiếu) - Hình thức chi trả: Bằng tiền. 	100%
7.	Số 07/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua tờ trình phê duyệt nguyên tắc uỷ quyền các chức danh được phê duyệt giao dịch với Ngân hàng tại Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam.	100%
8.	Số 08/2022/NQ-HĐQT	22/07/2022	Thông qua việc tiếp tục kéo dài thời hạn tham gia Ban Điều hành với vị trí Giám đốc tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam đối với Ông Võ Hải Thanh kể từ ngày 15/7/2022 đến hết ngày 31/08/2022.	100%
9.	Số 09/2022/NQ-HĐQT	29/08/2022	Thông qua việc thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam đối với Ông Võ Hải Thanh kể từ ngày 31/08/2022. Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc và là Người đại diện pháp luật của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam đối với Ông Trần Quang Trung có thời hạn một năm kể từ ngày 01/09/2022	60%
10.	Số 10/2022/NQ-HĐQT	08/11/2022	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam đối với Ông Hoàng Lâm Hoà kể từ ngày 01/11/2022	100%
11.	Số 11/2022/NQ-HĐQT	21/11/2022	Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 như sau: Tỷ lệ chi trả: 4% / mệnh giá cổ phiếu (400 đồng/ cổ phiếu) Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức: 15/12/2022 Ngày chi trả cổ tức dự kiến: 10/01/2023	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12.	Số 12/2022/NQ-HĐQT	12/12/2022	<p>Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng (cho vay, bảo lãnh, thẻ tín dụng...hoặc đồng thời các hình thức này) và thông qua các hợp đồng liên quan giữa Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam với các Ngân hàng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng Thương mại CP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 – TP. HCM với số tiền đối đa là: 300.000 triệu đồng. - Ngân hàng Quốc tế VIB – Chi nhánh Vinh – Nghệ An với số tiền tối đa là: 150.000 triệu đồng. 	100%

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Hoàng Thanh Vân	Trưởng Ban	1982	Cử nhân Kinh tế	0%
2	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên	1957	Cử nhân Kinh tế	0,033%
3	Lưu Thanh Thảo	Thành viên	1987	Cử nhân Kinh tế	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo qui định.
- Xem xét thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích 2022:

Đối tượng	Họ và tên	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị	Neo Gim Siong Bennett	130,000,000		-
	Văn Thanh Liêm	91.000.000		-
	Võ Hải Thanh	30.333.333		-
	Lê Xuân Sơn	60,666,667		-
	Cao Thanh Bích	91,000,000		-
	Nguyễn Hồng Anh	91.000.000		-
Ban Kiểm soát	Hoàng Thanh Vân	91.000.000		-

	Nguyễn Thanh Thủy	52.000.000		-
	Lưu Thanh Thảo	52.000.000		-
Ban điều hành	Trần Quang Trung		321,850,000	-
	Võ Hải Thanh		552,915,600	-
	Nguyễn Hồng Anh		454,750,685	-
	Hoàng Lâm Hòa		410,400,000	-
	Văn Bá Thi		470,925,000	-
Tổng cộng		689.000.000	2,210,841,285	

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc	25.300	0,06%	0	0%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TP HCM/	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2022	1/2022/NQĐHĐCĐ	Hợp đồng mua nguyên vật liệu, giá trị: 609,9 tỷ đồng
2	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TP HCM/	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2022	1/2022/NQĐHĐCĐ	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 1.794,7 tỷ đồng
3	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TP HCM/	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2022		Cổ tức: 21,7 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty liên quan đến người nội bộ	0300584564; 31/01/2019; Sở KHĐT TP HCM/	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Q1, TP HCM	Năm 2022	021/HĐKA/2022; 074/HĐKA/2022	Mua hàng hóa 156,4 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
5	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh/	Công ty liên quan đến người nội bộ	3001650260 Sở KHĐT Hà Tĩnh/	Km 12 đường tránh Thành phố Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Năm 2022	01/HĐ/BSGHT-BSGSL	Mua hàng hóa 821,5 triệu đồng
6	Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Nghệ Tĩnh	Công ty liên quan đến người nội bộ	2900765728 11/05/2006 Sở KH&ĐT Nghệ An/	Sở KH&ĐT Nghệ An	Năm 2022	01 /HĐ/BSGNT-BSGSL	Bán NVL 61,2 triệu đồng
7	Công Ty CP Rượu Bình Tây	Công ty trong hệ thống sabeco	302262756 7/10/2005 Sở KH&ĐT TP. HCM/	621 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, Tp HCM	Năm 2022	16/2022/RBT-BGS	Mua hàng hóa 118,6 triệu đồng
8	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống sabeco	0303140574 21/01/2015 Sở KH&ĐT TP. HCM	12 Đông Du, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2022	10/2022/SATRACO-BSLA	Mua hàng hóa 1.177,4 triệu đồng
9	Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sabeco	Công ty trong hệ thống sabeco	0305816177 Đăng ký lần đầu 17/04/2008, thay đổi lần 2 31/03/2016 Sở KH&ĐT TP. HCM/	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP. HCM	Năm 2022	30/2021-HĐ/BSGSL-CKSBC; 33/2021-HĐ; 14/2022-HĐ; 111/2022-HĐ	Cung cấp dịch vụ 354 triệu đồng Mua hàng: 596,9 Triệu đồng
10	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Công ty trong hệ thống sabeco	2900740071 20/03/2006 Sở KH&ĐT Nghệ An/	Khu công nghiệp nhỏ Đông Vinh, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Nghệ An	Năm 2022		Mua hàng hóa 385,7 triệu đồng
11	Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn/	Công ty liên kết sabeco	8720178717 Đăng ký lần đầu 03/10/2016 thay đổi lần 2 23/10/2018 Sở KH&ĐT/ TP. HCM/	Xa Lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2022	01/2021/HDDV/CROWN-BSGSL	HĐ dịch vụ: 766 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Công ty liên kết sabeco	2600393941 Đăng ký lần đầu 30/05/2007 thay đổi lần 5 30/06/2021 Sở KH&ĐT Phú Thọ	Khu công nghiệp Trung Hà, Xã Dân Quyền, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Năm 2022	01/2022-HĐ	Bán hàng hoá: 34,3 triệu đồng


d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị như:
 - + Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán;
 - + Các thông tư, quy định về quản trị Công ty, về hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - + Các văn bản luật có liên quan khác;
- Công ty đã cụ thể hoá các quy định về quản trị các quy định nội bộ bao gồm Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
- Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc cung cấp và công bố thông tin chính xác và kịp thời. Đó là trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

VI. Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:


- UBCK NN; 
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu: TK.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA**

SÀI GÒN - SÔNG LAM

H. HUNG NGUYỄN PH. NGHỆ AN

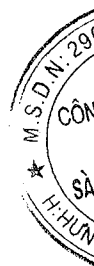

Trần Quang Trung

C.P. M.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 9 tháng 9 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 9 tháng 9 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Gim Siong Bennett	Chủ tịch
Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên (từ ngày 14 tháng 4 năm 2022)
Ông Võ Hải Thanh	Thành viên (đến ngày 13 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Quang Trung	Giám đốc (từ ngày 1 tháng 9 năm 2022)
Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc (đến ngày 31 tháng 8 năm 2022)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 10 năm 2022)

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Trần Quang Trung
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00304-23-1



Nelson Rodriguez Gasiban
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		276.187.913.856	199.941.625.165
Tiền	110	5	12.088.325.307	77.827.647.594
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		170.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	170.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.823.109.067	18.671.346.129
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.590.371.409	13.857.907.145
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		494.483.984	3.439.672.376
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.738.253.674	1.373.766.608
Hàng tồn kho	140	9(a)	71.295.102.101	53.141.316.195
Hàng tồn kho	141		73.890.581.525	55.473.232.220
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.595.479.424)	(2.331.916.025)
Tài sản ngắn hạn khác	150		981.377.381	301.315.247
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		194.497.587	301.315.247
Thuế phải thu Nhà Nước	153		786.879.794	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		342.271.108.044	421.158.835.691
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		334.804.812.602	411.846.682.137
Tài sản cố định hữu hình	221	10	334.744.528.125	411.715.637.656
Nguyên giá	222		1.292.457.074.877	1.291.123.313.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(957.712.546.752)	(879.407.676.147)
Tài sản cố định vô hình	227	11	60.284.477	131.044.481
Nguyên giá	228		303.930.000	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(243.645.523)	(172.885.519)
Tài sản dở dang dài hạn	240		608.539.091	608.539.091
Xây dựng cơ bản dở dang	242		608.539.091	608.539.091
Tài sản dài hạn khác	260		6.827.756.351	8.673.614.463
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	438.264.601	1.924.512.859
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.097.593.536	2.040.739.158
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	4.291.898.214	4.708.362.446
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		618.459.021.900	621.100.460.856

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		130.864.353.223	123.656.171.965
Nợ ngắn hạn	310		130.372.353.223	123.164.171.965
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.056.304.277	7.136.471.972
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	82.433.183.476	93.674.808.421
Phải trả người lao động	314		3.019.163.701	6.024.487.215
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	7.258.976.376	7.282.743.331
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	21.086.703.133	3.320.443.867
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	3.518.022.260	5.725.217.159
Nợ dài hạn	330		492.000.000	492.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	172.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		487.594.668.677	497.444.288.891
Vốn chủ sở hữu	410	18	487.594.668.677	497.444.288.891
Vốn cổ phần	411	19	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.078.472.662	40.928.092.876
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.340.122.372	12.141.030.411
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.738.350.290	28.787.062.465
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		618.459.021.900	621.100.460.856

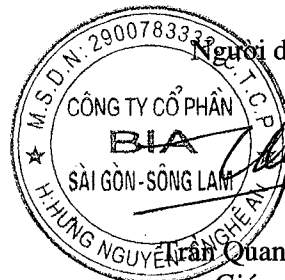
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Quang Trung
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	865.290.976.459	715.253.026.190
Giá vốn hàng bán	11	24	795.840.317.643	648.128.086.598
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		69.450.658.816	67.124.939.592
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.306.395.334	2.493.869.704
Chi phí tài chính	22		59.068.493	878.647.713
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.068.493	878.647.713
Chi phí bán hàng	25		1.198.892.633	985.616.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.218.914.892	23.253.599.139
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		50.280.178.132	44.500.946.080
Thu nhập khác	31		670.557.000	749.082.761
Chi phí khác	32		2.803.925	952.906.658
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		667.753.075	(203.823.897)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.947.931.207	44.297.122.183
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.499.818.129	8.716.921.109
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(56.854.378)	471.505.992
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.504.967.456	35.108.695.082
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	818	708

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Quang Trung
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	35.000.000.000	240.971.354.931
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.000.000.000)	(308.201.576.853)
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.596.600.000)	(21.900.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.596.600.000)	(89.130.621.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(65.739.322.287)	45.572.028.088
Tiền đầu năm	60	77.827.647.594	32.255.619.506
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	12.088.325.307	77.827.647.594

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Quang Trung
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 186 nhân viên (1/1/2022: 199 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền**

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	508.744.930	415.487.930
Tiền gửi ngân hàng	11.579.580.377	77.412.159.664
	<hr/>	<hr/>
	12.088.325.307	77.827.647.594

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 5,6% đến 6,0% một năm (1/1/2022: từ 5,0% đến 6,0% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.091.890.776	12.390.270.124
Các khách hàng khác	498.480.633	1.467.637.021
	<hr/>	<hr/>
	18.590.371.409	13.857.907.145

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.091.890.776	12.390.270.124
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay phải thu	2.723.385.608	675.604.785
Ký quỹ	5.000.000	634.807.434
Khác	9.868.066	63.354.389
	<hr/>	<hr/>
	2.738.253.674	1.373.766.608
	<hr/>	<hr/>

9. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	1.556.483.469	-
Nguyên vật liệu	23.748.527.120	-	13.844.598.042	-
Công cụ và dụng cụ	5.514.840.350	(2.595.479.424)	5.920.026.364	(2.331.916.025)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.127.799.460	-	21.638.247.638	-
Thành phẩm	18.499.414.595	-	12.513.876.707	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	73.890.581.525	(2.595.479.424)	55.473.232.220	(2.331.916.025)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.331.916.025	2.473.492.097
Dự phòng trích lập trong năm	263.563.399	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(141.576.072)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.595.479.424	2.331.916.025
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	12.012.386.472	(7.720.488.258)	11.915.642.209	(7.207.279.763)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	7.207.279.763	9.818.233.657
Dự phòng trích lập trong năm	513.208.495	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(2.610.953.894)
Số dư cuối năm	7.720.488.258	7.207.279.763

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.047.411.516.268	7.650.541.526	10.921.541.140	1.702.052.507	1.291.123.313.803
Tăng trong năm	-	978.437.000	-	355.324.074	-	1.333.761.074
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.048.389.953.268	7.650.541.526	11.276.865.214	1.702.052.507	1.292.457.074.877
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	89.189.140.223	771.865.292.785	7.345.719.293	9.444.278.998	1.563.244.848	879.407.676.147
Khấu hao trong năm	10.763.270.383	66.607.212.113	87.999.997	766.561.473	79.826.639	78.304.870.605
Số dư cuối năm	99.952.410.606	838.472.504.898	7.433.719.290	10.210.840.471	1.643.071.487	957.712.546.752
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	134.248.522.139	275.546.223.483	304.822.233	1.477.262.142	138.807.659	411.715.637.656
Số dư cuối năm	123.485.251.756	209.917.448.370	216.822.236	1.066.024.743	58.981.020	334.744.528.125

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 18.280 triệu VND (1/1/2022: 14.704 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	172.885.519
Khấu hao trong năm	70.760.004
Số dư cuối năm	243.645.523
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	131.044.481
Số dư cuối năm	60.284.477

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 92 triệu VND (1/1/2022: 92 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.834.031.618	90.481.241	1.924.512.859
Tăng trong năm	-	402.117.980	402.117.980
Phân bổ trong năm	(1.698.977.687)	(189.388.551)	(1.888.366.238)
Số dư cuối năm	135.053.931	303.210.670	438.264.601

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.277.517.281	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Xuân Hòa	1.562.896.716	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.081.141.303	1.109.962.920
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	-	1.454.567.586
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Vạn Thiên Phúc	-	853.960.580
Các nhà cung cấp khác	5.134.748.977	3.717.980.886
	<hr/>	<hr/>
	13.056.304.277	7.136.471.972

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.277.517.281	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	411.820.229	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	71.982.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	42.129.878	-
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	-	164.882.744
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ Số còn trừ VND	Số phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.721.992.896	936.005.459.774	(941.063.217.995)	-	73.664.234.675
Thuế giá trị gia tăng	11.183.406.233	179.894.705.119	(182.348.129.757)	-	8.729.981.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.739.213.182	10.499.818.129	(15.025.911.105)	786.879.794	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.196.110	848.903.403	(840.132.307)	-	38.967.206
Thuế khác	-	1.433.182.739	(1.433.182.739)	-	-
	93.674.808.421	1.128.682.069.164	(1.140.710.573.903)	786.879.794	82.433.183.476

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	4.256.059.380	4.223.840.202
Chi phí xây dựng	1.934.399.990	1.290.909.091
Chi phí phải trả khác	1.068.517.006	1.767.994.038
	<hr/> 7.258.976.376	<hr/> 7.282.743.331

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	20.662.300.000	1.758.900.000
Phải trả ngắn hạn khác	424.403.133	1.561.543.867
	<hr/> 21.086.703.133	<hr/> 3.320.443.867

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	5.725.217.159	6.154.903.462
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	3.706.202.662	5.903.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(2.668.940.354)	(2.915.352.134)
Sử dụng trong năm	(3.244.457.207)	(3.417.334.169)
	<hr/> 3.518.022.260	<hr/> 5.725.217.159

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	450.000.000.000	6.516.196.015	31.725.678.277	488.241.874.292
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	35.108.695.082	35.108.695.082
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(5.903.000.000)	(5.903.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	2.915.352.134	2.915.352.134
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(418.632.617)	(418.632.617)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	450.000.000.000	6.516.196.015	40.928.092.876	497.444.288.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.504.967.456	40.504.967.456
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(3.706.202.662)	(3.706.202.662)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	2.668.940.354	2.668.940.354
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(60.414.504)	(60.414.504)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	243.089.142	243.089.142
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

20. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 14 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 22.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu)) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 21 tháng 11 năm 2022 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 18.000 triệu VND (tương đương 400 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2021: không).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	867.328.700
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	38.720.031.250	39.959.072.250
	<hr/>	<hr/>
	44.915.236.250	45.782.564.950

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	858.649.497.816	709.117.910.626
▪ Doanh thu khác	6.641.478.643	6.135.115.564
	<hr/>	<hr/>
	865.290.976.459	715.253.026.190

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	783.965.283.437	630.525.735.569
▪ Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	776.771.894	(2.752.529.966)
▪ Giá vốn khác	11.098.262.312	20.354.880.995
	<hr/> 795.840.317.643	<hr/> 648.128.086.598

25. Doanh thu tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.306.395.334	2.493.869.704

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	10.354.121.280	11.044.996.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.301.230.937	3.823.329.384
Thuế, phí và lệ phí	1.279.212.209	1.076.835.583
Chi phí khấu hao	973.101.590	1.070.428.208
Thiết bị văn phòng	363.920.384	474.781.041
Chi phí quản lý khác	5.947.328.492	5.763.228.680
	<hr/> 23.218.914.892	<hr/> 23.253.599.139

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	670.017.818.434	505.624.416.693
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.375.630.609	78.140.956.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.029.195.918	39.675.994.847
Chi phí nhân công và nhân viên	33.199.154.783	38.633.577.963
Chi phí khác	11.111.415.134	10.292.356.418

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	10.499.818.129	8.745.881.012
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(28.959.903)
	10.499.818.129	8.716.921.109
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(56.854.378)	471.505.992
	10.442.963.751	9.188.427.101

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.947.931.207	44.297.122.183
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.189.586.241	8.859.424.437
Chi phí không được khấu trừ thuế	253.377.510	357.962.567
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(28.959.903)
	10.442.963.751	9.188.427.101

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	40.504.967.456	35.108.695.082
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(3.706.202.662)	(5.903.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	2.668.940.354
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	36.798.764.794	31.874.635.436

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại thành 708 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 649 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.794.654.957.590	1.419.648.553.754
Mua nguyên vật liệu	609.888.640.620	446.069.261.143
Cổ tức	21.665.000.000	15.475.000.000
Bán dịch vụ	410.612.031	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.177.411.105	457.516.012
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	821.500.000	781.975.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	461.575.720	1.067.881.200
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	596.892.822	312.009.614
Mua dịch vụ	354.096.000	-
Mua phần mềm	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	118.600.000	71.724.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán hàng hóa	61.183.333	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	156.353.203	58.559.340
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán hàng hóa	34.300.000	31.900.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Bán dịch vụ	766.032.852	942.809.664
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.991.611.886	1.734.416.373

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Gim Siong Bennett – Chủ tịch	130.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng – Chủ tịch	-	130.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	103.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Hải Thanh – Thành viên	24.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	67.000.000	-
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	83.111.113
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	41.481.481
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	41.481.481

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2022	2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	175.000.000	1.409.983.739
Nhận tài sản cố định bồi thường từ công ty bảo hiểm	-	1.329.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Quang Trung
Giám đốc

